

Bản án số 631/2023/HS-PT
Ngày 29 tháng 12 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường, ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm theo hình thức công khai trực tuyến đối với vụ án hình sự thụ lý số 437/2023/TLPT-HS ngày 25/9/2023 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2023/HSST-CTN ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 462/2023/QĐXXPT-HS ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Nguyễn Huy T, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2002; tại tỉnh Gia Lai. Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1981. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn D (tên gọi khác: T2), sinh năm 1997 tại tỉnh Gia Lai; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn I, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Lê Văn T3, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1956; Vợ: Nguyễn Thị Thu U, sinh năm 1998 (đã ly hôn) bị cáo có 1 con sinh năm 2018: Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Ngày 26/5/2022 bị cáo bị bắt tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Ngọc T4, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2004; tại tỉnh Gia Lai. Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Phạm Văn T5, sinh năm 1977 và bà

Nguyễn Thị Kiều L1, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Ngày 07/10/2022 bị cáo bị bắt tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Đức H, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2002; tại tỉnh Gia Lai. Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Đức L2 (đã chết) và bà Huỳnh Thị T6, sinh năm 1982. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Ngày 28/02/2023, bị cáo bị bắt tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Vũ H1, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2002; tại tỉnh Hải Dương. Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ G, phường Y, TP P, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Con ông Nguyễn Văn T7, sinh năm: 1962 và bà Vũ Thị L3, sinh năm 1974. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn P, sinh năm 1996; tại tỉnh Gia Lai; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Đ1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1945. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Ngày 07/10/2022 bị cáo bị bắt tạm giam cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

7. Cao Văn T9, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2004; tại tỉnh Gia Lai. Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Cao Văn T10 (đã chết) và bà Trần Thị Thanh L4, sinh năm 1984. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Ngày 07/10/2022, bị cáo bị bắt tạm giam cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

8. Phạm Khánh H2, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2003; tại tỉnh Gia Lai. Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Con ông Phạm Xuân K, sinh năm 1971 và con bà Đoàn Thị Kim L5, sinh năm 1972; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Trần Quốc D1, Lê Đình Q, Huỳnh Thanh P1, Trần Hải S, Đặng Văn C và Phan Trọng Đ2 không kháng cáo, không bị kháng cáo và kháng nghị.

Người bào chữa theo chỉ định cho các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn P: Luật sư Tổng Đức N - Văn phòng L7, Đoàn luật sư tỉnh G, có mặt.

Người bào chữa theo chỉ định cho các bị cáo Nguyễn Đức H, Phạm Ngọc T4: Luật sư Huỳnh Văn K1 - Văn phòng L8, Đoàn luật sư tỉnh G; địa chỉ: Tô F, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai, có mặt.

Người bào chữa theo chỉ định cho các bị cáo Nguyễn Vũ H1: Luật sư Đặng Ngọc B - Văn phòng L9, Đoàn luật sư tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Huy T: Luật sư Đào Văn T11- Văn phòng L10, Đoàn luật sư tỉnh G; địa chỉ: A L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt.

Bị hại:

1. Đinh Hoàng T12, sinh năm 1992; trú tại: Thôn I, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

2. Võ Chí C1, sinh năm 1989; trú tại: Thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 26/01/2022, Trần Quốc D1 rủ Phạm Khánh H2 đến khu vực thôn I xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai tổ chức đánh bạc dưới hình thức xóc bầu cua. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, anh Đinh Hoàng T12 (sinh năm 1992; trú tại: Thôn I, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai) nhìn thấy Trần D1 đang xóc bầu cua nên anh T12 hỏi Trần D1 “*Ai cho tui mày đánh bầu cua ở đây*”, Trần D1 trả lời “*Em là bạn của Tý D2*” rồi Trần D1 gọi điện thoại cho Lê Văn D kể cho Lê D nghe việc bị anh T12 không cho Trần D1 xóc bầu cua. Sau khi nói chuyện với Lê D qua điện thoại, anh T12 bỏ đi đến chỗ bán hoa tết tại thôn I, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Khoảng 21 giờ cùng ngày, anh Trần Văn L6 (sinh năm 1991; trú tại: Thôn H, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai) mang theo rựa đến chỗ Trần D1, đuổi đánh không cho Trần D1 xóc bầu cua nên Trần D1 cùng Hoàng bỏ đi. Trần D1 tiếp tục gọi điện thoại cho Lê D nói “*Tui thắng Lại nó phá sòng, giờ tui đi tập hợp anh em tìm nó chơi lại*”, nghe Trần D1 nói vậy thì Lê D biết Trần D1 rủ người đi tìm nhóm T12, L6 để đánh nên Lê D nói “*Anh em trong xóm cả, để tao nói chuyện thế nào rồi hãy tính*”. Sau đó, Trần D1 và H2 đi đến chợ xã N thuộc thôn F, xã N, huyện C, tại đây, Trần D1 thấy Trần Hải S, Huỳnh Thanh T13, Cao Văn T9 đang ngồi trước cổng trường cấp 1 xã N thì Trần D1 đến gặp và nói “*Anh bị đánh, giúp anh với*”. Nói xong, Trần D1 đi vào quán B4 cùng với

H2 và gặp thêm Nguyễn Huy T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Vũ H1, Trần D1 tiếp tục nói “*Đi lên thôn I giúp anh*”, cả bọn đồng ý, biết Trần D1 rủ đi đánh nhau nên Đức H mang theo 01 đoạn cơ bị da bị gãy làm hung khí, tiếp đó, Trần D1 gọi điện thoại cho Lê Đình Q và Nguyễn Văn P, P rủ thêm Lương Sơn B1 đi cùng.

Khi cả nhóm có mặt tại chợ xã N, T kể cho cả nhóm nghe việc Trần D1 bị nhóm của anh T12 và anh L6 phá sòng bầu cua và muốn tìm đánh trả thù. Cùng lúc này, Lê D nhờ Trần Văn H3 (sinh năm 1999, trú tại: Thôn I, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai) chở đến địa điểm bán hoa của anh T12 và anh L6 để nói chuyện; sau khi chờ Lê D đến, H3 đi về. Tại đây, giữa Lê D, anh T12 và anh L6 xảy ra mâu thuẫn, anh T12 và anh L6 dùng ghế đánh trúng vào lưng, mặt của Lê D còn Lê D dùng gậy ba khúc đánh lại anh T12, đánh xong, Lê D bỏ chạy và gọi điện thoại cho Trần D1 nói “*Tui bị tui nó đánh trên này*”. Nghe vậy, Trần D1 rủ cả nhóm chờ nhau bằng xe mô tô cầm theo gậy đi đến địa điểm bán hoa của anh T12 để đánh lại, nhưng anh T12 và anh L6 bỏ chạy, không đuổi đánh được nên nhóm của Trần D1, Lê D quay về địa điểm chợ xã N tập trung. Lúc này, Đặng Văn C và Phan Trọng Đ2 đang ngồi ăn ở gần đó, thấy nhóm của Trần D1 mang theo gậy đi qua và thấy có nhiều người quen nên C rủ Đ2 “*Đi không*”. Hiểu ý của C rủ mình đi đánh nhau nên Đ2 đồng ý, rồi cả hai đi theo sau nhóm Trần D1. Tại chợ xã N, Trần D1 gọi điện thoại cho Phạm Ngọc T4 đến cùng tham gia, tại đây, Lê D nói với Trần D1 “*Tui bị đánh như này, bạn có giúp tui không*”, nghe Lê D nói, Trần D1 nói với cả nhóm “*Giờ đi lên kiểm tui nó lần nữa*” cả bọn đồng ý. C mang theo 01 cây tuýp sắt, P mang theo 01 cây mã tấu, T4 mang theo 01 dao phóng lộn và 01 khúc cây cà phê, những người còn lại mang theo cây cà phê, cây bời lời làm hung khí. Lúc này, Phạm Hữu Phi H4 đi qua chợ xã N thấy nhóm Trần D1 có nhiều người quen nên chạy vào chơi thì được T4 nhờ chở T4 đi đến nhà Lê D. Cả nhóm chờ nhau bằng xe mô tô đến nhà Lê D (thuộc thôn I, xã N) cất xe rồi đi bộ ra địa điểm bán hoa của T12 để tìm anh L6 và anh T12 đánh trả thù.

Tại nhà Lê D, T4 đưa dao phóng lộn dài hơn 1m cho Trần D1 cầm, D1 bỏ lưỡi đi và mang theo phần cán bằng kim loại, Lê D giật con dao mã tấu từ P, Q mang theo 01 con dao rựa, C và T mỗi tên mang theo 01 cây tuýp sắt, còn lại Đức H, T13, T4, Đ2, H1, S mang theo cây gỗ bời lời, cây cà phê; P, H2 và T9 không mang theo hung khí. Riêng B1 và Phi H4, sau khi chờ P và T4 đến cổng nhà Lê D, B1 và Phi H4 rủ nhau đi đến thị trấn P chơi, không tham gia đi đánh nhau.

Chuẩn bị xong hung khí, cả nhóm Trần D1 đi bộ đến điểm bán hoa tìm nhóm anh T12 và anh L6. Thấy anh T12 đang ngồi với anh Võ Chí C1 (sinh năm 1989; trú tại: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai) thì Lê D, Trần D1, T và Q đi đến chỗ T12 và C1. Lê D hỏi anh T12 “*Nãy tao làm gì mà mày đánh tao*”, vừa lúc đó thì T dùng cây tuýp sắt đánh một phát từ trên xuống trúng vào đầu của anh C1 làm anh C1 ngã xuống đất. Thấy anh C1 bị đánh, anh T12 lấy rựa ra chém Lê D thì bị Lê D dùng dao mã tấu chém anh T12 01 nhát trúng vai trái, anh T12 đứng dậy bỏ chạy thì bị Q dùng rựa chém 02 nhát (trong đó 01 nhát trúng vào lưng), anh T12 tiếp tục bỏ chạy vào đường hẻm hướng hội trường thôn I thì Lê D

cùng C, S cầm hung khí đuổi theo. Khi đuổi kịp, Lê D chém tiếp 01 nhát trúng vào vùng đầu phía sau tai trái của anh T12 làm cho cả hai ngã vào hàng rào, Lê D tiếp tục dùng mã tấu chém nhiều nhát vào người anh T12, anh T12 dùng hai tay đỡ thì bị chém trúng vào 02 bàn tay, anh T12 đứng dậy thấy C và S nên đã dùng rựa chém C và S nhưng không trúng, liền bị S cầm cây gậy đánh 02 cái trúng vào lưng, C cầm tuýp sắt đánh 01 cái trúng vào cánh tay trái làm anh T12 ngã xuống, khi thấy anh T12 nằm im thì cả bọn bỏ về.

Trong lúc Lê D, C, S đuổi đánh anh T12 thì tại vị trí bán hoa tết, khi thấy anh C1 bị T đánh nằm ngã dưới đất thì T13, Đức H, T4, Đ2 và H1 cầm cây lao vào đánh anh C1 (T4 đánh 04 cái vào đùi anh C1, Đức H đánh 02 cái vào chân anh C1, T13 đánh 02 cái vào chân anh C1, H1 và Đ2 cầm gậy đánh anh C1 nhưng không trúng), khi thấy anh C1 nằm im thì cả nhóm bỏ về. Trần D1 cầm hung khí nhưng không đánh ai; P, T9 và H2 do không cầm hung khí nên không tham gia đánh.

Khi nhóm Trần Quốc D1 bỏ đi, anh T12 và anh C1 được người dân đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh G cấp cứu và điều trị, ngày 30/01/2022 anh T12 ra viện, ngày 28/01/2022 anh C1 ra viện. Ngày 27/01/2022, gia đình T12 và gia đình anh C1 làm đơn trình báo Công an xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trưng cầu giám định tỷ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe của anh Đinh Hoàng T12 và anh Võ Chí C1.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 100/22/TgT ngày 14/4/2022, Trung tâm pháp y tỉnh G, kết luận thương tích của Đinh Hoàng T12 như sau: 1. Dấu hiệu chính qua giám định: - Một sẹo vết thương phần mềm nằm ngang vùng cằm trái đến rãnh sau vành tai trái kích thước (10x0,3)cm, sẹo liền, một đường thẳng, bờ mép gọn: 02%. - Một sẹo vết thương phần mềm vành tai trái từ mặt sau ra mặt trước kích thước (7 x 0,3)cm, sẹo liền, một đường thẳng, bờ mép gọn, màu hồng: 02%. - Một sẹo vết thương phần mềm mặt ngoài sau 1/3 giữa cánh tay trái kích thước (3 x 0,5)cm, sẹo liền, bờ mép đều phẳng, màu hồng: 02%.- Một sẹo vết thương phần mềm bờ sau mỏm vùng vai trái kích thước (7x1)cm, sẹo liền, mép gọn, màu hồng: 03%. - Một sẹo vết thương phần mềm bàn tay trái từ mặt mu xương bàn 5 vòng qua mặt lòng xương bàn 5 xuống nếp lằn cổ tay trái kích thước (9 x 0,3)cm, sẹo liền, bờ mép đều rõ, màu hồng: 02%. - Một sẹo vết thương phần mềm mặt mu bàn tay phải từ kẽ xương bàn 1-2 đến đốt 1 ngón 4 bàn tay phải kích thước (11 x 0,5)cm, sẹo liền, bờ mép gọn, màu hồng: 02%. - Một sẹo vết thương phần mềm mặt lòng bàn tay phải từ kẽ xương bàn 2-3 đến đốt 1 ngón 4 kích thước (6 x 0,3)cm, sẹo liền, bờ mép gọn, màu hồng: 02%. - Chấn thương cổ tay trái gây mồm trâm trụ trái, không ảnh hưởng chức năng vận động khớp cổ tay: 08%. - Chấn thương bàn tay phải gây gãy xương bàn 2-3 bàn tay phải, không ảnh hưởng chức năng bàn tay phải, ngón tay: 08%. - Chấn thương vai trái gây vỡ mồm cùng vai trái: 08%. - Vết thương bàn tay phải gây đứt thần kinh giữa gây hậu quả tổn thương một phần nhánh cảm giác thần kinh giữa chi phối ngón 2 bàn tay phải: 11%. - Vết thương bàn tay phải gây đứt gân gấp nông sâu ngón 2-3, đứt gân duỗi ngón 2-3-4 hậu quả tổn thương nhánh cảm giác thần kinh quay tay chi phối mũ bàn tay phải: 11%. - Cứng khớp đốt bàn

ngón 3 bàn tay phải: 05%. - Cứng khớp đốt bàn và đốt gần ngón 4 bàn tay phải: 04%. 2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Đinh Hoàng T12 tại thời điểm giám định là: 52% (Năm mươi hai phần trăm). Áp dụng phương pháp công theo thông tư 22/TT-BYT. 3. Kết luận khác: - Cơ chế hình thành vết thương: Do sự tác động trực tiếp của ngoại lực. - Xác định vật gây thương tích: Phù hợp với sự tác động của vật sắc có cạnh bén. - Trên hồ sơ bệnh án điều trị ban đầu chẩn đoán chấn thương sọ não nhưng phim chụp CT-Scanner sọ não ngày 27/01/2022 kết luận: Không thấy hình ảnh dập não, không thấy máu tụ nội sọ, không phù não. Hình xương hộp sọ, nền sọ bình thường nên không có cơ sở để kết luận tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe”.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 78/22/TgT ngày 28/3/2022 và Công văn số 13/CV-TTPY ngày 07/4/2022, Trung tâm pháp y tỉnh G kết luận thương tích của anh Võ Chí C1 như sau: “1. Dấu hiệu chính qua giám định: - Một sẹo vết thương phần mềm mặt trước trong 1/3 trên cẳng chân phải, kích thước (1 x 0,5)cm, sẹo liền màu hồng: 1% - Một sẹo vết thương phần mềm mặt trước trong 1/3 trên cẳng chân phải, kích thước (1 x 0,3)cm, sẹo liền màu hồng: 1% - Một sẹo vết thương phần mềm mặt trước trong 1/3 trên cẳng chân phải, kích thước (1,5 x 0,5)cm, sẹo liền, màu hồng: 1% - Chấn thương sọ não gây tụ máu ngoài màng cứng vùng chẩm trái, điều trị nội khoa, hiện không còn hình ảnh tổn thương trên phim CT-Scanner tại thời điểm giám định, không để lại di chứng: 5% - Chấn thương sọ não gây vỡ xương đá bên trái, không để lại di chứng: 18% - Chấn thương cẳng chân phải gây gãy 1/3 giữa và trên chày phải, can tốt, trục thẳng, không ngắn chi: 13% 2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Võ Chí C1 tại thời điểm giám định là: 34% (Ba mươi tư phần trăm). Áp dụng phương pháp công theo thông tư 22/2019/TT-BYT.

3. Kết luận khác: - Cơ chế hình thành vết thương: Do sự tác động trực tiếp của ngoại lực. - Xác định vật gây thương tích: Phù hợp với sự tác động của vật tày.”

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G đã trưng cầu giám định đối với các vật chứng đã thu giữ và tại Kết luận giám định số 360/KL-KTHS ngày 14/4/2023, Phòng K2 Công an tỉnh G, kết luận: “- Trên con dao dài 74cm, lưỡi bằng kim loại dài 26cm, mũi bằng, phần rộng nhất 06cm, lưỡi dao bị cong vênh, cán dao bằng kim loại dài 48cm, đường kính 02cm (Mẫu ký hiệu A1) gửi giám định: Không phát hiện có máu. - Trên con dao dài 108cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 76cm, mũi nhọn, phần rộng nhất 3,2cm, cán dao bằng gỗ dài 32cm (Mẫu ký hiệu A2) gửi giám định: Không phát hiện có máu. - Mẫu máu trong ống nghiệm bằng nhựa ghi thu của Đinh Hoàng T12 trong bì công văn niêm phong: Nhóm máu O”.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ: - 01 gậy ba khúc có thể thu ngắn lại và kéo ra, tổng chiều dài khi kéo ra là 62,5cm, đường kính đầu to nhất là 03cm, đầu nhỏ nhất là 1,5cm, phần cán dài 23,5cm được bọc nhựa màu đen, 02 khúc kim loại (Phần thân gậy) mỗi khúc dài 19,5cm. - 01 con dao rựa bằng kim loại dài 74cm gồm phần cán và lưỡi, cán dao dài 48cm, lưỡi dao dài 26cm, đầu lưỡi dao rộng 6cm, cán dao bằng kim loại dạng ống đường kính 2cm, dao bị biến dạng cong. - 01 con dao (loại dao tự chế) dài 108cm, cán dao bằng gỗ dài 32cm, lưỡi

dao bằng kim loại dài 76cm, đầu dao nhọn, lưỡi dao rộng 3,2cm. Ngoài ra, Cơ quan CSĐT Công an huyện C và Công an tỉnh G đã tiến hành truy tìm các vật chứng là tuýp sắt, các cây cà phê, cây bời lời mà các bị cáo đã sử dụng làm hung khí trong vụ án, nhưng không thu giữ được.

Về dân sự:

- Các bị cáo đã bồi thường và tác động gia đình bồi thường cho bị hại Võ Chí C1 tổng số tiền 140.400.000 đồng (trong đó, bị cáo: Nguyễn Vũ H1 bồi thường 35.000.000 đồng; Trần Quốc D1, Huỳnh Thanh T13 và Nguyễn Huy T mỗi bị cáo bồi thường 15.000.000 đồng; Trần Hải S bồi thường 10.000.000 đồng; các bị cáo Phạm Ngọc T4, Phạm Khánh H2, Cao Văn T9, Đặng Văn C, Lê Văn D, Phan Trọng Đ2, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn P, Lê Đình Q mỗi bị cáo bồi thường 5.600.000 đồng). Bị hại Võ Chí C1 làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

- Bị hại Đinh Hoàng T12 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 180.000.000 đồng (gồm: tiền thuốc điều trị, tiền thuê xe chở đi cấp cứu, xuất viện, tái khám và thuê xe đi giám định; tiền công người nhà chăm sóc; tiền công lao động trong vòng 06 tháng và tiền tổn thất tinh thần). Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại T12 số tiền 81.000.000 đồng (Trong đó: bị cáo Phạm Ngọc T4 bồi thường 13.000.000 đồng; Nguyễn Vũ H1 bồi thường 15.000.000 đồng; Trần Hải S bồi thường 10.000.000 đồng, Nguyễn Huy T bồi thường 10.000.000 đồng, Phan Trọng Đ2 bồi thường 5.000.000 đồng, các bị cáo Huỳnh Thanh T13, Nguyễn Đức H, Phạm Khánh H2, Đặng Văn C, Lê Đình Q, Cao Văn T9, Nguyễn Văn P mỗi bị cáo bồi thường 4.000.000 đồng). Bị hại Đinh Hoàng T12 và ông Đinh Minh C2 (bố của bị hại) đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S, T13, H, H2, H1, C, Q, T9, P, T4, T, Đ, đồng thời yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2023/HSST-CTN ngày 16/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai:

Tuyên bố các bị cáo Trần Quốc D1, Lê Văn D, Nguyễn Huy T, Lê Đình Q, Huỳnh Thanh T13, Phạm Ngọc T4, Trần Hải S, Đặng Văn C, Nguyễn Đức H, Nguyễn Vũ H1, Phan Trọng Đ2, Nguyễn Văn P, Cao Văn T9, Phạm Khánh H2 phạm tội “Giết người”.

1. Về hình phạt:

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38, Điều 58; Điều 17 BLHS, xử phạt: Bị cáo Lê Văn D 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/5/2022.

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 15; Điều 38, Điều 58; Điều 17 BLHS; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huy T 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 58; Điều 17 BLHS; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức H 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/2/2022.

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 15; Điều 38; Điều 58; Điều 17 BLHS; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Vũ H1 07 (B2) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 15; Điều 38; Điều 58; Điều 17 BLHS; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 07 (B2) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2022.

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 15; Điều 38, Điều 58; Điều 17 BLHS; Xử phạt: Bị cáo Phạm Khánh H2 07 (B2) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 15; Điều 38, Điều 58; Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 BLHS; Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc T4 06 (Sáu) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2022.

Căn cứ điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 15; Điều 38, Điều 58; Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 BLHS; Xử phạt: Bị cáo Cao Văn T9 06 (Sáu) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2022.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự và trách nhiệm thi hành án, xử lý vật chứng và án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo Lê Văn D kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ dùng mã tấu chém một nhát trúng vai anh T12, anh T12 bỏ chạy bị cáo Lê D có cùng đồng bọn đuổi và bị ngã vào hàng rào, khi đứng lên đã thấy anh T12 bị chém nằm xuống đất, bị cáo không chém anh T12 vào đầu; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 14 năm tù là quá nặng, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Huy T kháng cáo cho rằng mức hình phạt 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Đức H kháng cáo cho rằng mức hình phạt 11 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng, xin giảm hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Vũ H1 kháng cáo cho rằng mức hình phạt 7 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Văn P kháng cáo cho rằng mức hình phạt 7 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Cao Văn T9 kháng cáo cho rằng bị cáo không cảm theo hung khí, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 6 năm 06 tháng tù là quá nặng.

- Bị cáo Phạm Khánh H2 kháng cáo cho rằng bị cáo không cảm theo hung khí, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 7 năm tù là quá nặng.

- Người bị hại Đinh Hoàng T12 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Khánh H2 và Phạm Ngọc T4 (bị cáo Phạm Ngọc T4 không kháng cáo).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo kháng cáo giữ nguyên kháng cáo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét hỏi và tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Vũ H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo H1 vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và có đơn đề nghị hoãn phiên tòa với lý do bị cáo đang nằm viện. Xét, bị cáo H1 chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đã có Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt bị cáo H1 theo đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa. Xét Luật sư bào chữa cho các bị cáo Phạm Khánh H5, Cao Văn T9 theo chỉ định vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng bị cáo H5 và bị cáo T9 đề nghị được tự bào chữa nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[2] Về tội danh, khung hình phạt: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định như sau: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 26/01/2022, bức tức việc bị anh Đinh Hoàng T12, Trần Văn L6 phá sòng bầu cua của Trần Quốc D1 nên Lê Văn D đến chợ bán hoa tết ở thôn I, xã N, huyện C nói chuyện với T12 và L6, tại đây Lê Văn D, T12 và L6 xảy ra xô xát, đánh nhau. Do bức tức về việc bị T12, L6 đánh nên Lê Văn D nhờ Trần Quốc D1 giúp đi đánh trả thù, Trần Quốc D1 đồng ý và rủ thêm Lê Đình Q, Nguyễn Văn P, Nguyễn Vũ H1, Nguyễn Huy T, Huỳnh Thanh T13, Trần Hải S, Nguyễn Đức H, Phạm Ngọc T4, Cao Văn T9, Phạm Khánh H2, Đặng Văn C, Phan Trọng Đ2 đi cùng; sau đó, cả nhóm đi xe mô tô đến nhà Lê Văn D cất xe rồi đi bộ đến nơi bán hoa tết của T12. Khi thấy T12 và Võ Chí C1 đang ngồi nói chuyện thì Nguyễn Huy T đến dùng tuýp sắt đánh một phát trúng vào đầu anh C1 làm anh C1 ngã xuống đất, thấy vậy Đức H, T4, T13, H1 và Đ2 tiếp tục cầm cây gậy lao

vào đánh nhiều cái vào cơ thể anh C1 làm anh C1 bị chấn thương sọ não và nhiều vết thương ở cẳng chân phải gây tổn hại sức khỏe 34%.

Cùng thời điểm T đánh anh C1 thì Lê Văn D dùng mã tấu chém trúng vào vai trái của anh T12, Lê Đình Q dùng rựa chém 02 nhát (trong đó 01 nhát trúng vào vùng lưng). Khi T12 bỏ chạy vào hội trường thôn I thì Lê D đuổi theo dùng mã tấu chém một nhát trúng vào phía sau đầu và chém nhiều nhát vào người, T12 đứng dậy phản kháng thì bị Trần Hải S cầm gậy đánh 02 cái trúng vào lưng, Đặng Văn C cầm tuýp sắt đánh 01 cái trúng vào cánh tay trái làm anh T12 bị vết thương ở vùng cằm trái, vành tai trái và nhiều vết thương ở hai tay gây tổn hại sức khỏe 52%. Trần D1 cầm hung khí nhưng không đánh ai. P, T9 và H2 do không cầm hung khí nên không tham gia đánh.

Xét, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cách ứng xử với các bị hại mà các bị cáo cùng đồng thuận dùng mã tấu, dao rựa, tuýp sắt và gậy (là các hung khí nguy hiểm) đánh, chém vào đầu thuộc vùng trọng yếu trên cơ thể và một số bộ phận khác gây tổn hại đến sức khỏe của các bị hại. Hành vi của các bị cáo nhiều khả năng tước đoạt tính mạng của anh T12 và anh C1, việc anh T12 và anh C1 không chết là do được cấp cứu kịp thời; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Trần Quốc D1, Lê Văn D, Nguyễn Huy T, Lê Đình Q, Huỳnh Thanh T13, Phạm Ngọc T4, Trần Hải S, Đặng Văn C, Nguyễn Đức H, Nguyễn Vũ H1, Phan Trọng Đ2, Nguyễn Văn P, Cao Văn T9, Phạm Khánh Hoàng p “*Tội giết người*” với tình tiết định khung phạm tội “*Giết 02 người trở lên*” và “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 của BLHS là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn D cho rằng Bị cáo chỉ dùng mã tấu chém một nhát trúng vai anh T12, anh T12 bỏ chạy thì Bị cáo có cùng đồng bọn đuổi theo anh T12, nhưng Bị cáo cũng bị ngã vào hàng rào, khi Bị cáo đứng dậy đã thấy anh T12 bị chém nằm xuống đất, Bị cáo không chém vào đầu anh T12 và Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Bị cáo 14 năm tù là quá nặng, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Bản kết luận Điều tra và Cáo trạng đã xác định {sau khi chuẩn bị xong hung khí, cả nhóm đi bộ đến điểm bán hoa tìm nhóm anh T12 và anh L6, thấy anh T12 đang ngồi với anh C1, Lê D hỏi anh T12 “*Này tao làm gì mà mày đánh tao*” thì ngay sau đó, T dùng tuýp sắt đánh một phát từ trên xuống trúng vào đầu anh C1 làm Công ngã xuống đất, Lê D dùng dao mã tấu chém anh T12 01 nhát trúng vai trái, anh T12 bỏ chạy thì Q dùng rựa chém 02 nhát (trong đó 01 nhát trúng vào lưng), anh T12 chạy vào đường hẻm hướng hội trường thôn I thì Lê D cùng C, S cầm hung khí đuổi theo. Khi đuổi kịp, Lê D chém tiếp 01 nhát trúng vào vùng đầu phía sau tai trái của T12 làm cả hai ngã vào hàng rào, Lê D còn tiếp tục dùng mã tấu chém nhiều nhát vào người anh T12}, Lê D sau khi nhận được Kết luận điều tra và Cáo trạng không khiếu nại. Hơn nữa, xét lời khai của Lê D cho rằng khi chạy đuổi theo anh T12 thì Lê D tự ngã vào hàng rào là không phù hợp; mặt khác, Bản kết luận giám định pháp y về thương tích xác định cơ chế hình thành vết thương vùng đầu của anh T12 do “*...tác động của vật sắc có cạnh bén*” phù hợp với thương tích do mã tấu mà Lê D sử dụng chém vào đầu anh T12 nên trình bày của bị cáo Lê Văn D

cho rằng Bị cáo không chém vào vùng đầu anh T12 là không có cơ sở để được chấp nhận.

Khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Xét, bị cáo Lê Văn D phạm “*Tội giết người*” với 2 tình tiết định khung “*Giết 02 người trở lên*” và “*Có tính chất côn đồ*” quy định tại các điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; xét, Lê Văn D có mâu thuẫn trực tiếp với anh T12, Lê D chủ động đề nghị Trần D1 tìm thêm người đi đánh anh T12, Lê D dùng mã tấu chém vào vai trái, vào đầu và tiếp tục truy đuổi chém nhiều nhất khi anh T12 đã ngã vào hàng rào nên Lê D vừa là người chủ mưu, khởi xướng vừa là người thực hành tích cực và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét Lê D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*Đã bồi thường một phần thiệt hại khắc phục hậu quả*”, bị hại Đinh Hoàng T12 có một phần lỗi, các bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Lê Văn D có ông nội là Liệt sĩ, cha ruột là người có công với cách mạng, có thời gian tham gia dân quân tại địa phương quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xử phạt Lê Văn D 14 năm tù. Xét tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn D trình bày sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo Lê Văn D đã bồi thường đủ số tiền 16 triệu đồng cho B3 hại như quyết định của bản án sơ thẩm, nhưng như trên đã nêu bị cáo Lê Văn D phạm vào 2 tình tiết định khung của Khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự, vừa là người chủ mưu, khởi xướng vừa là người thực hành tích cực “*Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*” nên mức hình phạt 14 năm tù là cần thiết, không nặng nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn D; vấn đề gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại sau khi xét xử sơ thẩm do chưa cung cấp được chứng từ tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nên sẽ được xem xét, khấu trừ trong quá trình thi hành án.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Huy T, cấp phúc thẩm thấy T không có mâu thuẫn gì với 02 bị hại, nhưng với bản tính côn đồ nên chỉ nghe rú rê đã chuẩn bị tuýp sắt đi cùng và T xông vào dùng tuýp sắt đánh vào đầu anh C1; mặc dù T nhiều lần khai chỉ đánh vào vai anh C1, nhưng với thời gian xảy ra vụ án vào buổi tối, khi cả nhóm đang xô xát hỗn loạn thì việc T khai chỉ định vị đánh vào vai anh C1 là không chính xác, trong khi anh C1 và các bị cáo Trần Hải S, Lê Đình Q, Huỳnh Thanh T13 đều xác định T dùng tuýp sắt đánh vào đầu anh C1 và điều này phù hợp với kết luận giám định pháp y về thương tích của anh C1 có chấn thương ở vùng đầu do vật tày gây nên, anh C1 không có chấn thương vùng vai. Khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Xét, bị cáo Nguyễn Huy T phạm “*Tội giết người*” với 2 tình tiết định khung “*Giết 02 người trở lên*” và “*Có tính chất côn đồ*” quy định tại các điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; xét, T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*Đã bồi thường một phần thiệt hại khắc phục hậu quả*” quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cấp sơ

thẩm xử phạt T 12 năm tù là không nặng và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng; T kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới để cấp phúc thẩm xét giảm hình phạt cho bị cáo T.

[5] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức H và bị cáo Nguyễn Vũ H1 và kháng cáo của bị hại Đinh Hoàng T12 đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo Phạm Ngọc T4 (bị cáo Phạm Ngọc T4 không kháng cáo), Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy các bị cáo không có mâu thuẫn với các bị hại, chỉ vì muốn giúp Trần Quốc D1 trả thù, đã cầm cây, rựa, tuýp sắt đánh anh T12 và anh C1. Bị cáo T4 cầm cây đánh 04 cái vào đùi anh C1, bị cáo Đức H cầm cây đánh 02 cái vào chân anh C1, bị cáo H1 cầm gậy đánh nhưng không trúng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo giữ vai trò người thực hành là có căn cứ. Khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Xét, các bị cáo đồng phạm “*Tội giết người*” với 2 tình tiết định khung “*Giết 02 người trở lên*” và “*Có tính chất côn đồ*” quy định tại các điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*Đã bồi thường một phần thiệt hại khắc phục hậu quả*” quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Nguyễn Đức H có ông bà nội là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến; Nguyễn Vũ H1 có nhân thân tốt, quá trình điều tra, khởi tố và truy tố chủ động khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để giải quyết vụ án (có xác nhận), sau khi phạm tội đã khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại, có thành tích xuất sắc trong học tập nhiều năm liền là học sinh giỏi, tiên tiến được tặng nhiều Giấy khen, tham gia kỳ thi Violympic Toán, hiện nay đang điều trị bệnh thần kinh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh G, bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt, có ông nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, cha mẹ bị cáo H1 là công chức Nhà nước lập nhiều thành tích trong công tác được tặng thưởng chiến sỹ thi đua cơ sở và nhiều giấy khen được quy định tại điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Ngọc T4 tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định về xử lý trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi quy định tại Điều 91, Điều 101, Điều 102 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Ngọc T4 là có căn cứ, đúng pháp luật. Từ các căn cứ trên, xét cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Đức H 11 năm tù, Nguyễn Vũ H1 07 năm tù, Phạm Ngọc T4 06 năm 06 tháng tù là không nặng và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng; các bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới để cấp phúc thẩm xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn P, Phạm Khánh H2, Cao Văn T9, Phạm Khánh H2 và kháng cáo của bị hại Đinh Hoàng T12 đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo Phạm Khánh H2, cấp phúc thẩm xét thấy các bị cáo P, H2 tuy không cầm hung khí, không trực tiếp đánh gây thương tích cho các bị hại, nhưng có hành vi giúp sức về tinh thần để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ

12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Xét, các bị cáo đồng phạm “*Tội giết người*” với 2 tình tiết định khung “*Giết 02 người trở lên*” và “*Có tính chất côn đồ*” quy định tại các điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*Đã bồi thường một phần thiệt hại khắc phục hậu quả*” quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Cao Văn T9 có ông bà nội là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến; Cao Văn T9 tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi quy định tại Điều 91, Điều 101, Điều 102 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Từ các căn cứ trên, xét cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Văn P 07 năm tù, Phạm Khánh H2 07 năm tù, Cao Văn T9 06 năm 06 tháng tù là không nặng và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng; các bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới để cấp phúc thẩm xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của người bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 31/2023/HSST-CTN ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, như sau:

Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38, Điều 58; Điều 17 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn D 14 (*mười bốn*) năm tù về “*Tội giết người*” thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/5/2022.

Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 15; Điều 38, Điều 58; Điều 17 BLHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Huy T 12 (*mười hai*) năm tù về “*Tội giết người*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 58; Điều 17 BLHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 11 (*mười một*) năm tù về “*Tội giết người*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/2/2022.

Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 15; Điều 38; Điều 58; Điều 17 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ H1 07 (*bảy*) năm tù về “*Tội giết người*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 15; Điều 38; Điều 58; Điều 17 BLHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 07 (bảy) năm tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2022.

Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 15; Điều 38; Điều 58; Điều 17 BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Khánh H2 07 (bảy) năm tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 15; Điều 38; Điều 58; Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T4 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2022.

Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 15; Điều 38; Điều 58; Điều 17; Điều 91; khoản 1 Điều 101; khoản 3 Điều 102 BLHS; xử phạt bị cáo Cao Văn T9 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội giết người”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2022.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm 31/2023/HSST-CTN ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã có hiệu lực pháp luật.

Các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Huy T, Nguyễn Đức H, Nguyễn Vũ H1, Nguyễn Văn P, Cao Văn T9, Phạm Khánh H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân